

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2024/QĐST-HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 16 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+) Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1, Anh **Chang L**, sinh năm 1991

Địa chỉ: bản Hát Hơ, xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

2, Chị **Sùng Thị L**, sinh năm 1997

Địa chỉ: **bản H, xã S, huyện S, tỉnh Lai Châu**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 4 năm 2024 người yêu cầu anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** kết hôn với nhau vào ngày 20/7/2016, tại Ủy ban nhân dân xã **S, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Việc kết hôn giữa anh **P** và chị **L** là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian là từ khi kết hôn cho đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm

sống, trái ngược về tính cách. Vợ, chồng đã được gia đình hòa giải động viên nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên đã sống ly thân từ năm 2022. Từ đó đến nay việc ai người đó làm, không còn quan tâm đến nhau. Chấm dứt quan hệ về tình cảm và kinh tế. Đến nay anh **P** và chị **L** xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hòa giải để đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt nên anh **P** và chị **L** đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung từ lâu đã không tồn tại trên thực tế; Mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **P** và chị **L** là có cơ sở và tự nguyện. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L**.

[2]. Về con chung: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** có 02 con chung là cháu **Chang Bảo Đ**, sinh ngày 05/4/2016 và cháu **Chang Thị Yến N**, sinh ngày 06/4/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung đều ở với anh **Chang Lồng P**. Hiện nay anh **P** và chị **L** thỏa thuận khi ly hôn anh **Chang L1 P** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Chị **Sùng Thị L** không có ý kiến phản đối và nhất trí; cháu **C** Bảo Đăng có nguyện vọng được sống cùng với bố là anh **Chang L1 P** nếu bố, mẹ ly hôn. Xét thấy thỏa thuận của anh **P** và chị **L** là tự nguyện, phù hợp, không gây xáo trộn cuộc sống của các con chung, đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chung và đúng quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sinh sống tại **xã S, huyện S** là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn lệ phí Tòa án theo quy định.

2. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** có 02 con chung là cháu **Chang Bảo Đ**, sinh ngày 05/4/2016 và cháu **Chang Thị Yên N**, sinh ngày 06/4/2019. Giao cháu **Chang Bảo Đ** và cháu **Chang Thị Yên N** cho anh **C Lồng P** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi

Chị **Sùng Thị L** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Chang Lồng P** và chị **Sùng Thị L** được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Anh Páo. chị Lý;
- UBND xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tuấn